

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2025/CV/TTCBH
V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**
- **NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép có giá trị tương đương) số: 3900244389
- Ngày cấp lần đầu: 15/07/1995 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Số điện thoại: 02763757250 Số fax giao dịch: 02763839834
- Địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất đường
- Mã số thuế: 3900244389



2. Tình hình tài chính:

- Kỳ báo cáo: 6 tháng (từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (*trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo*):

Chỉ tiêu	Kỳ trước (từ ngày 01/07/2023 – ngày 31/12/2023)	Kỳ báo cáo (từ ngày 01/07/2024 – ngày 31/12/2024)
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	11.133.540.693.842	10.555.299.303.711
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.621.123.260.000	7.621.123.260.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	67.054.931.893	67.054.931.893
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	924.504.463.740	1.513.313.432.571
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
- Chênh lệch tỷ giá	(95.345.197.663)	(95.475.087.526)

2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	23.001.530.445.228	23.404.084.843.741
- Nợ vay ngân hàng	12.638.936.689.355	14.872.453.457.311
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	1.211.039.700.000	1.900.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	351.039.700.000	0
+ Trái phiếu chào bán ra riêng lẻ tại thị trường trong nước	860.000.000.000	1.900.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	0	0
- Nợ phải trả khác	9.151.554.055.873	6.631.631.386.430
+ Phải trả người bán ngắn hạn	870.888.970.398	1.390.167.911.092
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.646.250.392.521	465.455.312.488
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	148.959.872.825	95.279.531.924
+ Phải trả người lao động	37.309.804.724	10.849.434.851
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	506.184.364.135	503.749.659.626
+ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18.070.446.815	602.765.067
+ Phải trả ngắn hạn khác	4.113.645.321.869	3.641.693.353.173
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (không gồm nợ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu)	1.180.040.971.313	
+ Dự phòng phải trả ngắn hạn	133.314.703	80.661.588
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.843.811.418	13.689.064.962
+ Người mua trả tiền trước dài hạn	1.373.094.859.308	0
+ Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.659.841.043	9.698.867
+ Phải trả dài hạn khác	35.468.270.550	40.901.070.946
+ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (không gồm nợ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu)	1.333.984.037.078	229.875.108.670

U -
N I
AM
HA
37
-
- /

+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	212.362.929.406	220.240.981.188
+ Dự phòng phải trả dài hạn	13.738.790.393	19.036.831.988
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,67	0,69
- Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	2,07	2,22
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	1,21	1,17
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn)	1,04	0,99
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	1,54	1,69
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/ vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/ vốn chủ sở hữu	0,11	0,18
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/ vốn chủ sở hữu	0,08	0,18
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận trước thuế	480.912.355.261	542.186.757.084
- Lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính	394.246.781.178	465.112.324.456
- Lỗ lũy kế (nếu có)	0	0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,01	0,01
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,04	0,04
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn theo quy định	Không áp dụng	Không áp dụng

11/10/2021

của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)		
---	--	--

Ghi chú: * Kỳ trước là cùng kỳ 06 tháng của năm trước đối với kỳ báo cáo 06 tháng và cùng kỳ của năm trước đối với kỳ báo cáo năm.

*** Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện

*** Trường hợp trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ thì sử dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm lập báo cáo, theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**** Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật nào chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

- Ý kiến của kiểm toán viên: Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của nhóm công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)


Nguyễn Thị Thanh Na
Chuyên viên nghiệp vụ Ngân hàng

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Tài liệu kèm theo theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP